

Bản án số: 12/2024/LĐ-ST  
Ngày: 17 – 4 – 2024  
V/v “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Thanh Hoàng
- Bà Nguyễn Thị Rạt

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lê Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 135/2023/TLST – LĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST – LĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu phố V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (có mặt).

***2. Bị đơn:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 (tên cũ: Công ty cổ phần H3).

Địa chỉ trụ sở: Lô A, đường số B, khu dân cư M, ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ly H, chức vụ: Tổng giám đốc (xin vắng mặt).

***3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Bảo hiểm xã hội huyện Đ, tỉnh Long An.

Địa chỉ trụ sở: Khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Minh P – Chức vụ: Phó Giám đốc BHXH huyện Đ (xin vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào năm 2017, bà vào làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn H3, bà có tham gia bảo hiểm với số bảo hiểm: 8016063469, mức lương đóng bảo hiểm xã hội là 3.777.100 đồng, bà tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2017 đến tháng 8/2020. Quá trình làm việc hàng tháng thì Công ty có trích tiền lương của bà để đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Đến cuối tháng 8/2020 thì bà nghỉ việc, Công ty đã ban hành quyết định nghỉ việc theo quy định, đến lúc bà làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm xã hội thì được biết là Công ty nợ tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2020 đến tháng 8/2020 với số tiền là 8.460.704 đồng. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 01/2020 đến tháng 8/2020 với số tiền là 8.460.704 đồng. Ngày 18/01/2024, bà T đã có đơn khởi kiện bổ sung, bà yêu cầu Tòa án buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 đóng bảo hiểm xã hội với số tiền là 17.174.564 đồng (trong đó lãi chậm đóng là 6.574.344 đồng) và phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm đóng theo mức lãi suất của Luật Bảo hiểm xã hội quy định. Tại phiên tòa, bà yêu cầu Tòa án buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 đóng bảo hiểm xã hội cho bà tính đến ngày 17/4/2023 với số tiền là 17.385.075 đồng (trong đó lãi chậm đóng là 6.776.561 đồng) và tiền lãi chậm đóng theo mức lãi suất của Luật Bảo hiểm xã hội quy định.

*Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 do bà Nguyễn Ngọc Ly H1 đại diện có văn bản trình bày:*

Công ty xác định bà Nguyễn Thị T có ký hợp đồng lao động vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn H3. Công ty đã thực hiện việc đóng Bảo hiểm xã hội cho người lao động theo qui định, hiện tại Công ty chưa đóng Bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng 01/2020 đến tháng 8/2020. Công ty thống nhất với ý kiến của Bảo hiểm xã hội huyện Đ. Công ty đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện Đ, tỉnh Long An do ông Phan Minh P đại diện có văn bản trình bày:* Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, Bảo hiểm xã hội huyện Đ, tỉnh Long An xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị T từ tháng 01/2017 đến tháng 8/2020 với số sổ bảo hiểm 8016063469. Tính đến ngày 17/4/2024, số tiền phải đóng để xác nhận sổ đến thời điểm giảm hẳn cho bà Nguyễn Thị T số sổ BHXH 8016063469 số tiền là 17.385.075 đồng (trong đó lãi chậm đóng là 6.776.561 đồng). Do bận công việc nên ông xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà

án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị T với số tiền tính đến ngày 17/4/2024 là 17.385.075 đồng (trong đó lãi chậm đóng là 6.776.561 đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 có trụ sở tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị T là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bảo hiểm xã hội huyện Đ, tỉnh Long An được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm nên bà Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà Nguyễn Thị T có nộp sổ Bảo hiểm xã hội số 8016063469; Công văn phúc đáp số 133/BHXXH-BHĐHA ngày 24/01/2024 và Công văn số 743/BHXXH-BHĐHA ngày 17/4/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện Đ cung cấp.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Xét thấy bà Nguyễn Thị T có ký hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 và Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng 01/2017 đến tháng 8/2020 với số sổ bảo hiểm 8016063469 nhưng Công ty vẫn còn nợ tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2020 đến tháng 8/2020 nên bà T khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn H3. Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 thừa nhận còn nợ tiền bảo hiểm xã hội đúng với ý kiến mà Bảo hiểm xã hội huyện Đ đã cung cấp cho Tòa án và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Công văn số 133/BHXXH-BHĐHA ngày 24/01/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện Đ và Công văn số 743/BHXXH-BHĐHA ngày 17/4/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện Đ xác định bà T có tham gia BHXH từ tháng 01/2017 đến tháng 8/2020 với số sổ bảo hiểm 8016063469, tại Công ty trách nhiệm hữu hạn H3. Số tiền phải đóng để xác nhận sổ đến thời điểm giảm hẳn cho bà Nguyễn Thị T số sổ BHXH 8016063469 với số tiền là 17.385.075 đồng (trong đó lãi chậm đóng là 6.776.561 đồng). Do đó, bà T khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 và buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 tham gia bảo hiểm xã hội cho bà là hoàn toàn phù hợp.

[4]. Về tiền lãi suất: Xét thấy, tại khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội có quy định “...Người sử dụng lao động có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 của Luật này từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng...” và tại Điều 37 Quyết định số 595/QĐ-BHXXH ngày 14/7/2017 của B ban hành quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT quy định cách tính lãi chậm đóng cụ thể như sau: “...Đơn vị chậm đóng BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN từ 30 ngày trở lên thì phải đóng số tiền lãi tính trên số tiền BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN chưa đóng...”. Do đó, bà T yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền chậm đóng là hoàn toàn phù hợp.

[5]. Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[6]. Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Lao động;

Căn cứ vào Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 85, Điều 86 và khoản 2 Điều 89, khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc: “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội*” với Công ty trách nhiệm hữu hạn H3.

1.1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 có trách nhiệm tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị T theo số sổ BHXH 8016063469 tính đến ngày 17/4/2024 với số tiền là 17.385.075 đồng (Mười bảy triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó lãi chậm đóng là 6.776.561 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất Luật Bảo hiểm xã hội quy định.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H3 phải chịu 521.552 đồng (Năm trăm hai mươi một nghìn năm trăm năm mươi hai đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu.

**Nguyễn Hữu Quốc**